

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng;

2. Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Chí T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T1 sống chung năm năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng đã ly thân nhau. Chị cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 người con chung là Lê Kim P, sinh năm 1999 và Lê Thái A, sinh năm 2003, hiện đã trưởng thành có cuộc sống ổn định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị xác định yêu cầu phân chia tài sản

chung là nhà và quyền sử dụng đất tại ấp C, xã K. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu được rút lại đối với yêu cầu phân chia tài sản chung này, chị tự thỏa thuận với anh T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Chị xác định giữa anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng, chị yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Lê Chí T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Chí T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T1 cư trú tại xã K, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T1 đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2009 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T1 theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung Lê Kim P, sinh năm 1999 và Lê Thái A, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành có cuộc sống ổn định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T yêu cầu được rút lại khởi kiện phân chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại ấp C, xã K, chị và anh T1 tự thỏa thuận với

nhau không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu phân chia tài sản chung của chị T. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, anh chị có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định giữa anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lâm Thị T ly hôn anh Lê Chí T1.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Lâm Thị T.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0005268 ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hưng (Số ĐKKH: 96/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp

